

Số: 21/2019/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 20 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khu vực cấm, địa điểm cấm trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 160/2004/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc xác định khu vực cấm, địa điểm cấm;

Căn cứ Thông tư số 33/2015/TT-BCA ngày 20 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 33/2002/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh Hà Giang tại Tờ trình số 2973/TTr-CAT-QLXNC ngày 15 tháng 8 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định về khu vực cấm, địa điểm cấm trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Các nội dung liên quan đến khu vực cấm, địa điểm cấm không được quy định tại Quyết định này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân người Việt Nam cư trú và hoạt động trên địa bàn tỉnh Hà Giang (trừ các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 5, Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ quy định về khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

b) Tổ chức, cá nhân người nước ngoài cư trú và hoạt động trên địa bàn tỉnh Hà Giang, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

Điều 2. Khu vực cấm, địa điểm cấm

1. Trụ sở Tỉnh ủy.
2. Trụ sở Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Trụ sở Công an tỉnh, các đơn vị trực thuộc Công an tỉnh; Trụ sở Công an huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc Công an huyện, thành phố.
4. Trụ sở, địa điểm làm việc của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đóng trên địa bàn tỉnh.
5. Kho tiền Kho bạc Nhà nước Hà Giang; Kho tiền Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố.
6. Kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hà Giang.
7. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.
8. Trụ sở Huyện ủy, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.
9. Khu vực biên giới (*trừ các xã, thị trấn và các điểm du lịch đã được Chính phủ cho phép; các trường hợp có giấy tờ hợp lệ xuất nhập cảnh qua cửa khẩu, các trường hợp công dân nước thứ ba được qua lại theo Hiệp định về Quy chế biên giới mà Việt Nam đã tham gia ký kết*).
10. Ngoài các khu vực cấm, địa điểm cấm quy định từ khoản 1 đến khoản 9 của Điều này Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xác định và cấm biển các khu vực cấm, địa điểm cấm tạm thời tại các khu vực, địa điểm khi có tình huống đe dọa nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội hoặc trong trường hợp có thảm họa thiên nhiên, con người, có dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô lớn, đe dọa nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhân dân, Nhà nước, mà Nhà nước chưa có ban bố tình trạng khẩn cấp.

Điều 3. Bảo vệ khu vực cấm, địa điểm cấm

1. Các khu vực được xác định là khu vực cấm, địa điểm cấm phải được đặt biển báo và có Nội quy bảo vệ do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý khu vực, địa điểm đó quy định.
2. Thủ trưởng cơ quan quản lý khu vực cấm, địa điểm cấm xây dựng nội quy cụ thể của cơ quan và niêm yết trước công trụ sở của cơ quan, đơn vị; Vị trí đặt biển báo do Thủ trưởng cơ quan quản lý khu vực cấm, địa điểm cấm, khu vực biên giới quyết định.
3. Biển báo “Khu vực cấm”, “Địa điểm cấm” được đặt cố định hoặc tạm thời tại khu vực quy định tại Điều 2, Quyết định này; vị trí đặt biển báo bảo đảm dễ nhìn thấy, không bị che khuất.
4. Mẫu biển “Khu vực cấm”, “Địa điểm cấm” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 33/2015/TT-BCA ngày 20/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Trong khu vực biên giới, mẫu biển báo và vị trí cắm các loại biển báo “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm” thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ quy định về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ quy định về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

6. Hệ thống biển báo, mẫu biển báo và việc cắm biển báo trong khu vực cửa khẩu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2014/NĐ-CP, ngày 21/11/2014 của Chính phủ Quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; tổ chức, cá nhân

1. Công an tỉnh

a) Căn cứ pháp luật hiện hành và Quy định này chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, lực lượng liên quan khảo sát, xác định điểm cắm các biển báo cố định, lưu động theo thẩm quyền hoặc đề xuất các Bộ, ngành liên quan; mẫu các loại biển báo: Khu vực cấm, địa điểm cấm và áp dụng các biện pháp đảm bảo trật tự công cộng theo quy định của pháp luật.

b) Thống nhất với Sở Tài chính về kinh phí trang bị và cắm biển báo “Khu vực cấm”, “Địa điểm cấm” để Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Hàng năm, Công an tỉnh xây dựng kế hoạch dự trù kinh phí để kiểm tra và duy tu các biển báo cấm.

c) Chủ trì, thực hiện công tác bảo vệ và áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật xảy ra tại khu vực bảo vệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân các cấp thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này; kịp thời phát hiện những vướng mắc trong quá trình thực hiện, tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo đúng với quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế trên địa bàn tỉnh.

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh

a) Căn cứ pháp luật hiện hành và Quy định này chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, lực lượng liên quan khảo sát, xác định điểm cắm các biển báo trong khu vực biên giới; những công trình quốc phòng, công trình biên giới cần quy định vùng cấm, tổng hợp báo cáo Bộ Tư lệnh BDBP trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

b) Chủ trì, thực hiện công tác bảo vệ và áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật xảy ra tại khu vực biên giới theo quy định của pháp luật hiện hành. Phối hợp với các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân các huyện biên giới thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm phổ biến, quán triệt Quyết định này đến cán bộ và nhân dân để thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự công cộng tại cơ sở; kịp thời giải quyết, xử lý nghiêm theo thẩm quyền các đối tượng có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Hà Giang, Cổng Thông tin điện tử tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền Quyết định này trên các phương tiện thông tin đại chúng để tổ chức và cá nhân thực hiện.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện có hiệu quả Quyết định này.


7. Công dân Việt Nam vào khu vực cấm, địa điểm cấm phải được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý khu vực, địa điểm đó cho phép. Người nước ngoài vào khu vực cấm, địa điểm cấm phải có giấy phép của cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh cấp phép. Nếu vào khu vực quân sự, khu vực do Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh quản lý phải được Thủ trưởng đơn vị quản lý khu vực đó cho phép.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2019.

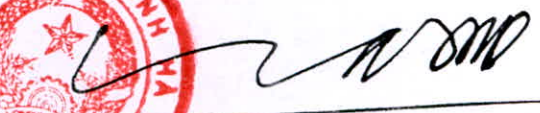
2. Chánh văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an (V01, V03, A03, A08, X05);
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy;
- HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Hà Giang;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, NCPC, CAT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Nguyễn Văn Sơn